

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 673/QĐ-VKSTC-TKTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THƯỜNG TRƯỞNG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 56... ngày 20/12/2013...

Ban hành mẫu Thống kê kết quả giải quyết các vụ án hình sự
và thi hành án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002;

Căn cứ Luật Thống kê năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 01/7/2005 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của liên ngành: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành biểu mẫu, các phụ lục biểu mẫu thống kê kết quả giải quyết các vụ án hình sự và thi hành án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng (có mẫu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ kỳ thống kê tháng 12/2013 và thay thế Quyết định số 759/2008/QĐ/VKSTC-TKTP ngày 03/10/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin có trách nhiệm giúp Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Thủ trưởng các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện trưởng Viện kiểm sát Quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Tòa án nhân dân tối cao (để phối hợp triển khai);
- Bộ Công an (để phối hợp triển khai);
- Bộ Quốc phòng (để phối hợp triển khai);
- Lưu: VT, Cục TKTP&CNTT.



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH

Hoàng Nghĩa Mai

TKHS - TKTP LIÊN NGÀNH

ĐƠN VỊ:.....

.....

THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT**CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ****CỦA CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

(Ban hành theo QĐ số 673

ngày 20/12/2013 của

Viện trưởng VKSNDTC)

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Thống kê cấp:.....

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
1	2	3
I. GIẢI QUYẾT TỔ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM VÀ KIẾN NGHỊ KHỎI TỔ		
Số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố còn lại của kỳ trước	1	
Số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mới nhận	2	
Tổng số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	3	
Số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã giải quyết	4	
Trong đó: - Đã khởi tố	5	
- Không khởi tố chuyển xử lý hành chính	6	
Số tổ giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cuối kỳ chưa giải quyết	7	
Trong đó: Số đã quá hạn tính đến cuối kỳ thống kê	8	
II. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	9	
Trong đó: Số tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ	10	
Số bị can còn lại của kỳ trước	11	
Trong đó: Số tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ	12	
Số vụ án mới khởi tố	13	
Số bị can mới khởi tố	14	
Tổng số vụ án CQĐT thụ lý điều tra	15	
Tổng số bị can CQĐT thụ lý điều tra	16	
Số vụ án đề nghị truy tố	17	
Số bị can đề nghị truy tố	18	
Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra	19	
Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra	20	
Trong đó: - Số bị can đình chỉ vì không có tội (K1, 2 Đ107BLTTHS)	21	
- Số bị can đình chỉ vì hết hạn điều tra không chứng minh được tội phạm (điểm b K2 Đ64 BLTTHS)	22	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K1 Đ25 BLHS (do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội và người phạm tội không còn nguy hiểm)	23	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K2 Đ25 BLHS (người phạm tội tự thú, khai báo rõ ràng...)	24	
Số vụ án CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê	25	
Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê	26	
Tổng số vụ án CQĐT ra QĐ tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê	27	
Tổng số bị can CQĐT ra QĐ tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê	28	
Số vụ án còn lại chưa kết thúc điều tra	29	
Trong đó: Số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá hạn luật định	30	
Số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra	31	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
III. KIỂM SÁT ĐIỀU TRA VÀ QUYẾT ĐỊNH VIỆC TRUY TỐ		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	32	
Trong đó: Số tạm đình chỉ phục hồi để truy tố trong kỳ	33	
Số bị can còn lại của kỳ trước	34	
Trong đó: Số tạm đình chỉ phục hồi để truy tố trong kỳ	35	
Số vụ án mới thụ lý	36	
Số bị can mới thụ lý	37	
Tổng số vụ án VKS thụ lý giải quyết	38	
Tổng số bị can VKS thụ lý giải quyết	39	
Số vụ án truy tố	40	
Số bị can truy tố	41	
Số vụ án VKS đình chỉ	42	
Trong đó: Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ	43	
Số bị can VKS đình chỉ	44	
Trong đó: - Số bị can đình chỉ vì không có tội (K1, 2Đ107BLTTHS).	45	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K1Đ25 BLHS (do chuyển biến tình hình mà hành vi phạm tội và người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội)	46	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K2Đ25 BLHS (người phạm tội tự thú, khai báo rõ ràng...)	47	
Số vụ án VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	48	
Số bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	49	
Số vụ án VKS tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	50	
Số bị can VKS tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	51	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết	52	
Trong đó: Số chưa giải quyết đã quá hạn luật định	53	
Số bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết	54	
Số vụ án Viện kiểm sát trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung (không tính những vụ do Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung)	55	
Trong đó: - Thiếu chứng cứ (K1 Đ168 BLTTHS)	56	
- Có căn cứ khởi tố mới (K2 Đ168 BLTTHS)	57	
- Vi phạm thủ tục tố tụng (K3 Đ168 BLTTHS)	58	
Số bị can VKS trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung	59	
Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định khởi tố	60	
Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố	61	
Số người VKS hủy bỏ quyết định khởi tố bị can	62	
Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	63	
Số người VKS hủy bỏ quyết định tạm giữ (K3 Đ86 BLTTHS)	64	
Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ (lần thứ nhất, lần thứ hai)	65	
Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam	66	
Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam	67	
Số bị can VKS không gia hạn tạm giam	68	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
IV. HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ		
1. Giai đoạn xét xử sơ thẩm		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	69	
Trong đó: Số tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ	70	
Số bị cáo còn lại của kỳ trước	71	
Trong đó: Số tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ	72	
Số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm	73	
Số bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm	74	
Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm	75	
Tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm	76	
Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	77	
Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	78	
Trong đó: Số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội	79	
Số vụ án Tòa án đình chỉ	80	
Số bị cáo Tòa án đình chỉ	81	
Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	82	
Số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	83	
Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	84	
Số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	85	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa xét xử sơ thẩm	86	
Trong đó: Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa xét xử sơ thẩm quá hạn luật định	87	
Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa xét xử sơ thẩm	88	
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung	89	
Trong đó: - Thiếu chứng cứ (điểm a K1 Đ179 BLTTHS)	90	
- Có căn cứ khởi tố mới (điểm b K1 Đ 179 BLTTHS)	91	
- Vi phạm thủ tục tố tụng (điểm b K1 Đ 179 BLTTHS)	92	
Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung	93	
2. Giai đoạn xét xử phúc thẩm		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	94	
Số bị cáo còn lại của kỳ trước	95	
Số vụ án mới thụ lý xét xử phúc thẩm	96	
Số bị cáo mới thụ lý xét xử phúc thẩm	97	
Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm	98	
Tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm	99	
Số vụ án có điều tra, xác minh bổ sung ở cấp phúc thẩm	100	
Số vụ án Tòa án phúc thẩm đình chỉ	101	
Số bị cáo Tòa án phúc thẩm đình chỉ	102	
Số vụ án đã xét xử phúc thẩm	103	
Trong đó: - Số vụ án do VKS kháng nghị	104	
- Số vụ án Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS	105	
Số bị cáo đã xét xử phúc thẩm	106	
Trong đó: - Số bị cáo do VKS kháng nghị	107	
- Số bị cáo Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS	108	
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội (án sơ thẩm tuyên bị cáo có tội)	109	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm	110	
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án	111	
<i>Trong đó:</i> + Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng kháng nghị của VKS	112	
+ Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt	113	
+ Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức án	114	
+ Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm giảm mức án	115	
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại	116	
<i>Trong đó:</i> Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	117	
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại	118	
<i>Trong đó:</i> Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	119	
- Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án	120	
<i>Trong đó:</i> Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	121	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm	122	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm quá hạn luật định	123	
Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm	124	
3. Giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	125	
Số bị cáo còn lại của kỳ trước	126	
Số vụ án mới thụ lý	127	
Số bị cáo mới thụ lý	128	
Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử giám đốc thẩm	129	
Tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử giám đốc thẩm	130	
Số vụ án Tòa án đã giám đốc thẩm	131	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án VKS kháng nghị	132	
- Số vụ án Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS	133	
Số bị cáo đã giám đốc thẩm	134	
<i>Trong đó:</i> - Số bị cáo VKS kháng nghị	135	
- Số bị cáo Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS	136	
Phân tích số bị cáo đã giám đốc thẩm:	137	
- Số bị cáo Tòa án GĐT không chấp nhận kháng nghị giữ nguyên bản án hoặc QĐ đã có hiệu lực pháp luật	138	
- Số bị cáo Tòa GĐT hủy án để điều tra lại	139	
- Số bị cáo Tòa GĐT hủy án để xét xử sơ thẩm lại	140	
- Số bị cáo Tòa GĐT hủy án để xét xử phúc thẩm lại	141	
- Số bị cáo Tòa GĐT hủy án và đình chỉ vụ án	142	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giám đốc thẩm	143	
Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa giám đốc thẩm	144	
4- Giải quyết theo thủ tục tái thẩm		
Số vụ án còn lại của tháng trước	145	
Số bị cáo còn lại của tháng trước	146	
Số vụ án mới thụ lý	147	
Số bị cáo mới thụ lý	148	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử tái thẩm	149	
Tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử tái thẩm	150	
Số vụ án Tòa án đã tái thẩm	151	
Trong đó: Số vụ án Tòa tái thẩm chấp nhận kháng nghị của VKS	152	
Số bị cáo Tòa án đã tái thẩm	153	
Trong đó: Số bị cáo Tòa tái thẩm chấp nhận kháng nghị của VKS	154	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa tái thẩm	155	
Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa tái thẩm	156	
V. TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ		
1. Tạm giữ		
Số cũ	157	
Số người mới bị tạm giữ	158	
Tổng số người bị tạm giữ	159	
Số người bị tạm giữ đã khởi tố bị can	160	
Số người bị tạm giữ chuyển tạm giam	161	
Số người trả tự do	162	
Số người bị tạm giữ chết trong kỳ	163	
Trong đó: - Chết do bệnh lý	164	
- Chết do tự sát	165	
- Chết do nguyên nhân khác	166	
Số người bị tạm giữ trốn trong kỳ thống kê	167	
Trong đó: Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	168	
Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ thống kê	169	
Trong đó: Số quá hạn tạm giữ	170	
2. Tạm giam		
Số cũ	171	
Số người mới bị tạm giam	172	
Tổng số người bị tạm giam	173	
Số người bị tạm giam đã giải quyết	174	
Trong đó: - Huỷ bỏ biện pháp tạm giam	175	
- Thay đổi biện pháp ngăn chặn khác	176	
- Trả tự do khi bị can có QĐ đình chỉ	177	
- Cơ quan có thẩm quyền trả tự do	178	
- Số người chuyển chấp hành án	179	
- Số đã thi hành án tử hình	180	
- Bắt buộc chữa bệnh	181	
- VKS trả tự do theo K1 Đ 28 Luật Tổ chức VKSND	182	
Số người bị tạm giam chết trong kỳ	183	
Trong đó: - Chết do tự sát	184	
- Chết do bệnh lý	185	
- Chết do các nguyên nhân khác	186	
Số người bị tạm giam trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	187	
Trong đó: Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	188	
Số người còn bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê	189	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
<i>Trong đó:</i> Số còn tạm giam đã quá hạn tính đến cuối kỳ.	190	
Thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra	191	
Thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát	192	
Thuộc trách nhiệm của Tòa án	193	
Số bị án tử hình đang tạm giam	194	
3. Thi hành án hình sự		
3.1. Tử hình		
Số người chấp hành án đã có QĐ thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang	195	
Số người chấp hành án mới có QĐ thi hành án	196	
Tổng số	197	
Số người hoãn chấp hành án tử hình trong kỳ thống kê	198	
Số người chấp hành án được giảm xuống hình phạt khác	199	
Số người chấp hành án chết trong kỳ thống kê	200	
Số người chấp hành án trốn trong kỳ thống kê	201	
Số đã thi hành án tử hình trong kỳ thống kê	202	
Số còn lại chưa thi hành án	203	
<i>Trong đó:</i> - Số người hoãn chấp hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê	204	
- Số người chấp hành án trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	205	
3.2. Tù chung thân		
Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang	206	
Số phạm nhân mới	207	
Tổng số phạm nhân	208	
Số phạm nhân đã giảm án xuống tù có thời hạn	209	
Số phạm nhân được đặc xá tha tù trước thời hạn	210	
Số phạm nhân chết	211	
Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	212	
Số phạm nhân đang chấp hành án	213	
Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	214	
3.3. Tù có thời hạn		
Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang	215	
Số phạm nhân mới	216	
Tổng số phạm nhân	217	
Số phạm nhân đã chấp hành án xong	218	
Số phạm nhân được trả tự do theo K1 Đ28 luật tổ chức VKSND và K3 Đ141 Luật Thi hành án hình sự	219	
Số phạm nhân chết	220	
Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	221	
Số phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh	222	
Số phạm nhân đang chấp hành án	223	
<i>Trong đó:</i> - Số phạm nhân đang chấp hành án tại Trại tạm giam	224	
- Số phạm nhân đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ	225	
Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê	226	
Số phạm nhân tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê	227	
Tổng số phạm nhân tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	228	
Số tạm đình chỉ đã tiếp tục thi hành án	229	

NỘI DUNG	MÃ DÒNG	SỐ LIỆU
Số tạm đình chỉ được miễn chấp hành án	230	
Số tạm đình chỉ chết	231	
Số tạm đình chỉ trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được	232	
Số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được	233	
3.4. Án treo		
Số cũ	234	
Số mới	235	
Tổng số	236	
Số đã chấp hành xong	237	
Số còn lại đang bị giám sát, giáo dục	238	
3.5. Hình phạt trục xuất		
Số cũ	239	
Số mới	240	
Tổng số	241	
Số đã trục xuất	242	
Số còn lại chưa bị trục xuất	243	
3.6. Cải tạo không giam giữ		
Số cũ	244	
Số mới	245	
Tổng số	246	
Số đã chấp hành xong	247	
Số còn lại đang bị giám sát, giáo dục	248	
3.7. Hoãn, miễn và giảm thời hạn chấp hành án phạt tù		
Số người được hoãn chấp hành án phạt tù	249	
Trong đó: Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của VKS	250	
Số người được miễn chấp hành hình phạt phạt tù	251	
Trong đó: Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của VKS	252	
Số phạm nhân được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù trong kỳ thống kê	253	
Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu	254	
Trong đó: Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của VKS	255	

Ngày tháng năm 20

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày tháng năm 20

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày tháng năm 20

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)